

Bản án số: 41/2023/HS-ST

Ngày: 08-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Mến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Bá

Ông Lê Văn Tịnh

Ông Nguyễn Văn Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2023/TLST - HS, ngày 30 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh ngày: 01/01/1986 tại tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn X, sinh năm 1955 và bà Võ Thị N, sinh năm 1953; bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Hoàng Ngọc L, sinh năm 1986, không có đăng ký kết hôn; có 01 người; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/9/2022 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn T:

1/ Luật sư Trương Hoàng P - Văn phòng luật sư Trương Hoàng P, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh bào chữa cho bị cáo theo chỉ định. (có mặt)

2/ Luật sư Nguyễn Tiến L – Văn phòng luật sư Tiến L, thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- Bị hại: Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại:

1/ Ông Mai Hoàng Đ, sinh năm 1983. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Văn O, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Ngô Thị Yến H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Kim T (sinh năm 1989, cư trú ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh) đang có chồng con, nhưng vào khoảng năm 2018, chị T lại có mối quan hệ tình cảm yêu đương với bị cáo Lê Văn T. Hai người nhiều lần thuê phòng trọ ở chung với nhau. Đến khoảng tháng 8/2022, chị T đòi chia tay với bị cáo T. Sau khi chị T đòi chia tay, bị cáo T nhiều lần dùng điện thoại gọi điện và nhắn tin nhưng chị T không trả lời. Từ đó, bị cáo T nảy sinh ý định tự xác nếu như chị T không tiếp tục yêu đương với bị cáo. Để thực hiện ý định, vào khoảng ngày 30/8/2022, bị cáo T mua 03 gói thuốc diệt chuột nhãn hiệu RATK 2% DP để bên dưới yên xe mô tô, rồi dùng điện thoại nhắn tin bằng Messenger hẹn chị T đến tại nhà trọ H thuộc ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh để gặp mặt lần cuối, chị T đồng ý.

Đến khoảng 08 giờ ngày 04/9/2022, chị T điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển số 84K1-424.54 đến nhà trọ H thuê phòng trọ ở để gặp bị cáo T. Chủ nhà trọ là bà Ngô Thị Yến H (sinh năm 1970) cho chị T thuê ở phòng số 7. Chị T chạy xe vào đậu bên trong phòng trọ. Khoảng 15 phút sau, bị cáo T điều khiển xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 60K4-8332 (xe của bị cáo) đến nhà trọ gặp hỏi bà H vị trí phòng số 7 nơi chị T đang ở. Sau khi được bà H chỉ dẫn, bị cáo T chạy xe vào đậu bên trong phòng trọ số 7, bị cáo gặp chị T.

Sau khi vào trong phòng trọ số 7, bị cáo và chị T cùng nói chuyện, ăn uống, rồi hai người tự nguyện quan hệ tình dục với nhau. Sau khi quan hệ tình dục xong, chị T khóc nói với bị cáo T là chị có lỗi với bạn trai chị mới quen. Nghe vậy, bị cáo T tức giận và nảy sinh ý định giết chết chị T, rồi bị cáo sẽ tự xác. Bị cáo kêu chị T vào nhà vệ sinh tắm với mục đích để bị cáo chuẩn bị dụng cụ giết chị T. Khi chị T vào nhà vệ sinh tắm, bị cáo T mở yên xe mô tô của bị cáo lấy sợi dây dù để bên dưới yên xe (sợi dây dù này bị cáo thường dùng để cột cố định trái cây khi đi mua bán). Sau khi lấy sợi dây dù ra ngoài, bị cáo T cột cố định vòng tròn ở hai đầu dây, rồi để trên nệm và lấy áo khoác che sợi dây lại.

Khi chị T tắm xong đi ra ngồi trên nệm, bị cáo T nói chuyện với chị T và đề nghị chị quay lại yêu đương với bị cáo, nhưng chị T nói: “Có chết cũng không quay lại”. Nghe vậy, bị cáo T liền quỳ gối chân trái ở phía bên tay trái chị

T, còn tay bị cáo cầm sợi dây dù tròng vào cổ chị T và yêu cầu chị T quay lại với với bị cáo, nếu không thì bị cáo sẽ giết chết chị T. Lúc này, chị T vẫn đòi chia tay, nên bị cáo T cầm vòng tròn ở một dây dù đưa vào ngón chân cái bàn chân phải rồi đập mạnh xuống giường, bị cáo dùng hai tay cầm đầu còn lại của sợi dây dù và kéo mạnh siết cổ chị T; đồng thời, bị cáo khom người tỳ vào thân người của chị T, được một lúc thấy chị T nằm bất động, bị cáo T biết chị T đã chết, nên bị cáo tháo dây dù ra khỏi cổ chị T, đem sợi dây dù để trên bàn trong phòng trọ số 7. Xong, bị cáo T kéo xác chị T nằm ngay ngắn trên giường. Sau đó, bị cáo tháo vàng của chị T đang đeo trên người gồm: Bông tai, dây chuyền có mặt, hai nhẫn có hột để vào bóp trong khoang chứa đồ dưới yên xe mô tô của chị T. Sau đó, bị cáo lấy mềm đắp lên xác chị T, rồi bị cáo tháo bỏ hai sim trong hai điện thoại di động của chị T với mục đích là để không ai liên lạc được với chị T. Bị cáo lấy dao trong túi quần và cắt 03 gói thuốc diệt chuột pha vào chai nước khoáng, rồi bị cáo uống. Xong, bị cáo để dao trên bàn, leo lên giường nằm ôm xác chị T. Sau đó, bị cáo đi vào nhà vệ sinh ới, rồi quay ra ôm xác chị T được một lúc, không thấy thuốc có tác dụng nên bị cáo điều khiển xe đi đến chợ A, huyện C mua một chai thuốc trừ sâu hiệu Peran 50EC, rồi quay về phòng trọ uống để tự xác.

Sau khi uống xong, bị cáo T tiếp tục lên giường nằm ôm xác chị T được một lúc, thì bị cáo vào nhà vệ sinh ới và tiêu chảy. Sau đó, bị cáo quay ra tiếp tục ôm xác chị T được một lúc cũng không thấy thuốc có tác dụng gây chết, nên bị cáo suy nghĩ lấy vàng của chị T bán lấy tiền tiêu xài, đến khi hết tiền bị cáo sẽ tự xác. Bị cáo T mở yên xe của chị T lấy một nhẫn vàng 24K trọng lượng 0,5 chỉ, một lắc tay vàng 18K trọng lượng 05 chỉ và một sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ. Sau đó, bị cáo T dùng dao cắt ốp lưng điện thoại iPhone của chị T (vì bị cáo cho rằng đây là ốp lưng mà bạn trai mới của chị T mua tặng chị T), rồi bị cáo điều khiển xe mô tô của bị cáo rời khỏi nhà trọ đến tiệm vàng K thuộc ấp S, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long bán số vàng đã lấy của chị T được khoảng 31.000.000 đồng. Xong, bị cáo T điều khiển xe đến tiệm sửa xe của anh Võ Chí K (sinh năm 1993, cư trú ấp S, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long) chuộc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha loại Sirius, biển số 38H1-225.92 (xe này bị cáo T cầm cổ trước đó) với giá 5.700.000 đồng; bị cáo để lại chiếc xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda loại Dream, biển số 60K4-8332 ở tiệm của anh Khang, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Sirius trở lại phòng trọ số 7 của nhà trọ H, bị cáo ôm xác chị T lần cuối, sau đó trốn khỏi địa phương.

Đến khoảng 16 giờ 30 phút ngày 05/9/2022, không phát hiện chị T ra khỏi phòng trọ số 7 kể từ lúc thuê phòng, nghi ngờ có sự việc bất thường, nên bà H đến gõ cửa phòng số 7 nhưng không nghe ai trả lời hay mở cửa. Do cửa bị khóa bên trong, nên bà H dùng chìa khóa dự phòng tiến hành mở cửa thì phát hiện chị T chết trong tư thế nằm ngửa ở trên giường, nên bà H trình báo sự việc cho cơ quan Công an. Đến ngày 06/9/2022, bị cáo T bị giữ khẩn cấp.

*** Vật chứng thu giữ :** Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ.

- 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 60K4-8332;

- 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen bạc, biển số 38H1-225.92;
- 01 giấy chứng minh nhân dân số 334187280, mang tên Lê Văn T;
- 01 bật lửa màu đỏ, hiệu Viva;
- 01 túi nylon màu trắng trong suốt;
- 01 chai nhựa màu trắng, trong suốt, có một ít dịch bên trong, thân chai có dán nhãn màu xanh “AQUAT-H”, nắp chai mở;
- 01 túi nhựa màu đen, có quai
- 01 chai thủy tinh màu vàng nâu, thân chai xó dán nhãn “THUỐC TRỪ SÂU PERAN 50EC”;
- 03 túi nhựa nhãn hiệu “THUỐC DIỆT CHUỘT RATK 2,5% DP” đã bị xé mở;
- 01 quần lót màu đen;
- 03 túi nylon màu trắng;
- 01 túi nylon màu hồng;
- 01 bật lửa màu vàng loại Zippo;
- 01 dao xếp màu đen, kích thước lưỡi dao 10,5cm x 2,5cm, mũi nhọn;
- 01 dây dù màu xanh đã phai màu, hai đầu dây được thắt thành hai vòng có cùng kích thước 46cm, chiều dài đoạn dây còn lại giữa hai vòng là 80cm, dây rộng 1,2cm;
- 01 ốp lưng điện thoại trong suốt bị gãy vỡ;
- 01 hộp sữa, chưa sử dụng;
- 01 chai nước nhãn hiệu “C2”, nắp chai đã mở;
- 01 chai nước nhãn hiệu “AQUAT-H”, nắp chai đã mở;
- 01 gói thuốc lá chưa sử dụng;
- Nhiều mẫu đầu lọc thuốc lá;
- 01 mũ bảo hiểm màu hồng;
- 01 túi kéo màu xanh;
- 01 chai thuốc trừ sâu nhãn hiệu “MONKEY 100ML”;
- 01 điện thoại di động, phím bấm, màu đen;
- 01 dây dù màu xanh, dài 188cm, rộng 1,5cm;
- 01 áo khoát 2 mặt, một mặt màu xanh in chữ WINNER trên ngực và lưng áo; một mặt màu đen in chữ WINNER trên ngực và lưng áo;
- 01 dây kim loại màu vàng;
- 01 đôi bông tai kim loại màu vàng, có đính đá màu trắng;
- 03 nhẫn kiểu, kim loại màu vàng;
- 01 dây chuyền kim loại màu vàng, mặt tròn có chữ LV;
- 01 chiếc bông tai kim loại màu vàng;
- 02 nhẫn kim loại màu vàng, có đính nhiều hạt đá màu trắng;
- 21 vòng tay kim loại màu vàng;
- 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, có đính hạt.
- Tiền Việt Nam 272.000 đồng;
- Ngoại tệ gồm: 01 tờ 100 Riel (tiền Campuchia), 01 tờ 02 USD (đô la Mỹ);
- 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 84K1-237.30;

- 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 84K1-424.54;
- 01 thẻ ATM số 9704053078594677;
- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989;
- 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thị Kim T;
- 01 hộp nhựa tròn màu đỏ, trên mặt có chữ “KIM YẾN, số 09, S H”;
- 01 túi xách màu nâu đen có chữ “MK”;
- 01 bóp cầm tay màu nâu đen, sọc carô;
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển kiểm soát 84K1-424.54;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone;
- Dữ liệu điện tử gồm 03 đoạn video ghi hình ảnh động tại nhà trọ H vào ngày 04/9/2022, được sao lưu lưu trữ vào bộ nhớ đĩa CD-R.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: số 475/KL-KTHS ngày 10/10/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, kết luận đối với tử thi Nguyễn Thị Kim T: Nguyên nhân chính dẫn đến tử vong là do tác động cơ học vào vùng cổ gây bít tắc hô hấp.

Trước khi kết thúc điều tra, Cơ quan điều tra đã giao trả cho anh Mai Hoàng Đ (sinh năm 1983, cư trú ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, là chồng của bị hại) gồm:

- 01 dây kim loại màu vàng;
- 01 đôi bông tai kim loại màu vàng;
- 03 nhẫn kiềng, kim loại màu vàng;
- 01 dây chuyền kim loại màu vàng, mặt tròn có chữ LV;
- 01 chiếc bông tai kim loại màu vàng;
- 02 nhẫn kim loại màu vàng, có đính hạt;
- 21 vòng tay kim loại màu vàng;
- 01 nhẫn bằng kim loại màu trắng, có đính hạt.
- Tiền Việt Nam 272.000 đồng;
- Ngoại tệ gồm: 01 tờ 100 Riel (tiền Campuchia), 01 tờ 02 USD (đô la Mỹ);
- 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 84K1-237.30;
- 01 giấy đăng ký xe mô tô, biển kiểm soát 84K1-424.54;
- 01 thẻ ATM số 9704053078594677;
- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989;
- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989;
- 01 giấy phép lái xe hạng A1, mang tên Nguyễn Thị Kim T;
- 01 hộp nhựa tròn màu đỏ, trên mặt có chữ “KIM YẾN, số 09, S H”;
- 01 túi xách màu nâu đen có chữ “MK”;
- 01 bóp cầm tay màu nâu đen, sọc carô;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển kiểm soát 84K1-424.54;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone.

Đối với các vật chứng gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 tấm lắc tay vàng 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 nhẫn vàng 24K, loại nhẫn trơn trọng lượng 0,5 chỉ, bị cáo T bán cho tiệm vàng K không thu giữ được (chủ tiệm vàng trình bày đã bán cho cửa hàng khác chế tác trang sức).

Tại Công văn số 01 ngày 21/4/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Trà Vinh trả lời không có căn cứ định giá đối với: 01 sợi dây chuyền kim loại vàng 18K, kiểu khoen tròn trọng lượng 03 chỉ, 01 tấm lắc kim loại vàng 18K, kiểu khoen lật trọng lượng 05 chỉ, 01 nhẫn kim loại vàng 24K, loại nhẫn trơn trọng lượng 0,5 chỉ.

Tại bản cáo trạng số: 31/CT-VKS-P1 ngày 29/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định truy tố bị cáo các bị cáo Lê Văn T về tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự với khung hình phạt từ 03 năm đến 10 năm tù.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo, thừa nhận bị hại Nguyễn Thị Kim T chết là do chính bị cáo giết chết, Bản cáo trạng mô tả và truy tố bị cáo về tội “Giết người” và “Cướp tài sản” là đúng với hành vi của bị cáo đã thực hiện đối với bị hại Nguyễn Thị Kim T, bị cáo không khiếu nại cũng không kêu oan về Bản cáo trạng đã bị truy tố. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu xét xử bị cáo theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mai táng phí 50.500.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng, tổng cộng 199.500.000 đồng và yêu cầu bị cáo trả lại số vàng đã cướp của chị Nguyễn Thị Kim T với tổng giá trị là 40.000.000 đồng. Bị cáo Lê Văn T đồng ý bồi thường theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay. Vị Kiểm sát viên cho rằng Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố hành vi của bị cáo Lê Văn T theo điểm e khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự là truy tố chưa hết các tình tiết định khung đối với bị cáo, tại phiên tòa hôm nay Vị kiểm sát viên quyết định bổ sung thêm Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Lê Văn T thêm điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự về tội “Giết người” và giữ nguyên Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội “Giết người” và “Cướp tài sản”. Vị kiểm sát viên cũng đã phân tích các tình tiết giảm

nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n, e khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T tù chung thân về tội “Giết người”, áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T tù 04 năm đến 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành là tù chung thân. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành là tù chung thân.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, buộc bị cáo phải nộp án phí và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Quan điểm của luật sư Trương Hoàng P bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Vị hoàn toàn thống nhất với nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và quan điểm của Kiểm sát viên về việc truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Giết người” và “Cướp tài sản” theo điểm n, e khoản 1 Điều 123 và khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, mong Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Trong điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bị cáo, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo có trình độ học vấn thấp nên am hiểu pháp luật có phần hạn chế, bị cáo là một nông dân lao động ở vùng nông thôn, bị cáo tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa hôm nay về mức hình phạt, xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt tù chung thân về tội giết người đối với bị cáo Lê Văn T là quá nghiêm khắc, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo xuống tù có thời hạn để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật để bị cáo có điều kiện sớm về với gia đình hòa nhập cộng đồng.

Quan điểm của luật sư Nguyễn Tiến L bào chữa cho bị cáo Lê Văn T: Thống nhất với quan điểm của vị Luật sư đồng nghiệp về tội danh, khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ mà vị Luật sư đồng nghiệp vừa trình bày tại phiên tòa hôm nay, tuy nhiên hành vi bị cáo cùng lúc phạm hai tội, cho thấy trình độ nhận thức bị cáo kém, do trình độ học vấn thấp và ghen tuông dẫn đến bị cáo gây án, bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo còn có khả năng cải tạo giáo dục. Kiểm sát viên đề nghị mức án án tù chung thân về tội “giết người” và 04 năm đến 05 năm tù về tội “cướp tài sản” là có phần nghiêm khắc đối với bị cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức hình phạt tù có thời hạn cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi gia đình bị hại, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật, không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay vị Kiểm sát viên bổ sung nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát viên nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc truy tố bị cáo Lê Văn T tình tiết định khung điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự phạm tội có tính chất côn đồ. Xét thấy việc bổ sung của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là đúng với quy định pháp luật và phù hợp với hành vi và hậu quả bị cáo gây ra nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Lê Văn T khai nhận: Do chị Nguyễn Thị Kim T muốn chấm dứt mối quan hệ yêu đương với bị cáo Lê Văn T, vào ngày 04/9/2022, tại phòng trọ số 7, nhà trọ H thuộc ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh, chỉ gì ghèn tuồng việc chị T có quen người khác mà bị cáo Lê Văn T đã dùng sợi dây dù siết cổ chị Nguyễn Thị Kim T đến chết, sau khi giết chị T bị cáo cướp tài sản của chị T một nhẫn vàng 24K trọng lượng 0,5 chỉ, một lắc tay vàng 18K trọng lượng 05 chỉ và một sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô rời khỏi nhà trọ đến tiệm vàng K thuộc ấp S, xã H, huyện X, tỉnh Vĩnh Long bán số vàng đã lấy của chị T được khoảng 31.000.000 đồng tiêu xài cho cá nhân hết. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự về tội danh “Giết người” và tội danh “Cướp tài sản”. Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh và quan điểm bổ sung của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội “Giết người” theo điểm n, e khoản 1 Điều 123; và tội “Cướp tài sản” tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ phù hợp với hành vi bị cáo thực hiện và đúng quy định của pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[2] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo cho rằng bị cáo không có ý định giết chết chị T trước khi bị cáo đến nhà trọ phòng trọ số 7 của chị H, lời khai nhận của bị cáo là không có căn cứ, bởi lẽ căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cụ thể lời khai của bị cáo tại các bút lục 260, 261, 264 thì bị cáo hoàn toàn có mục đích trước khi đến nhà trọ H, bị cáo chuẩn bị 3 gói thuốc diệt chuột, dây dù mang đến nhà trọ mục đích của bị cáo đã khai như các bút lục nêu trên, nếu như chị T không quay lại thì bị cáo sẽ dùng sợi dây dù bị cáo mang theo giết chết chị T, sau đó bị cáo sẽ tự sát, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị H chủ nhà trọ H, theo chị H khai từ trước đến nay bị cáo và chị T nhiều lần đến thuê nhà trọ của chị, thời gian thuê chỉ có vài tiếng đồng hồ thì về, tuy nhiên lần này bị cáo thuê phòng trọ tới 2 ngày, lời khai của chị H phù hợp với lời khai ban đầu của bị cáo như các bút lục đã viện dẫn trên. Như vậy có đủ căn cứ xác định rằng bị cáo hoàn toàn có chủ mưu trước khi giết chị T, hành vi phạm tội của bị cáo là xâm phạm đến hai khách thể rất quan trọng mà được Bộ luật Hình

sự bảo vệ là quyền được sống của con người, quyền sở hữu hợp pháp về tài sản, chỉ vì ghen tuông mù quáng không có căn cứ mà bị cáo ra tay giết chết bị hại là khách thể rất quan trọng, gây ra sự đau thương mất mát vô cùng to lớn không có gì bù đắp được, bị cáo nhận thức và hiểu biết rất rõ hành vi giết người và cướp tài sản là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, khi thực hiện hành vi bị cáo sử dụng sợi dây dù siết cổ chị T cho đến khi bị cáo thấy chị T nằm im, bị cáo nghĩ chị T đã chết mới dừng lại, hành vi của bị cáo rất xem thường pháp luật, xem thường tính mạng của con người, bị cáo phạm cùng lúc hai tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, sau khi thực hiện hành vi giết chết bị hại bị cáo biết rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng không tự giác ra đầu thú để hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật mà tiếp tục cướp tài sản của bị hại bán lấy tiền tiêu xài cá nhân và bỏ trốn cho đến ngày bị cáo bị Công an bắt, hơn nữa sau khi rời khỏi phòng trọ H bị cáo bấm và khóa cửa phía trong, bị cáo bỏ mặc cho bị hại trong phòng trọ cho đến khi chị H phát hiện, lúc này thân thể của người bị hại trong giai đoạn ngoại tử, cho nên hành vi của bị cáo đặc biệt nguy hiểm.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng xem xét, đánh giá áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo để đảm bảo tính áp dụng hình phạt khách quan, toàn diện đúng hành vi và hậu quả của bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tác động gia đình khắc phục 1.000.000 đồng cho gia đình bị hại là một phần rất nhỏ, không đáng kể so với hậu quả bị cáo gây ra. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cần được xem xét cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ những phân tích nêu trên, mặc dù bị cáo Lê Văn T có hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên qua quá trình thực hiện hành vi phạm tội Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nguy hiểm, do đó cần cách ly bị cáo không thời hạn ra khỏi đời sống xã hội, nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, góp phần đấu tranh với loại tội phạm nguy hiểm này trong tình hình hiện nay trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng, của người bào chữa đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo tự nguyện và thỏa thuận bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại tiền mai táng phí,

tiền tổn thất tinh thần 199.500.000 đồng và số vàng đã cướp với tổng giá trị là 40.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về biện pháp Tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 60K4-8332; 01 điện thoại di động, phím bấm, màu đen; 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen bạc, biển số 38H1-225.92 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo nên giao Cục thi hành dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 334187280, mang tên Lê Văn T.

- 01 bật lửa màu đỏ, hiệu Viva;

- 01 túi nylon màu trắng trong suốt;

- 01 chai nhựa màu trắng, trong suốt, có một ít dịch bên trong, thân chai có dán nhãn màu xanh “AQUAT-H”, nắp chai mở;

- 01 túi nhựa màu đen, có quai

- 01 chai thủy tinh màu vàng nâu, thân chai xó dán nhãn “THUỐC TRỪ SÂU PERAN 50EC”;

- 03 túi nhựa nhãn hiệu “THUỐC DIỆT CHUỘT RATK 2,5% DP” đã bị xé mở;

- 01 quần lót màu đen;

- 03 túi nylon màu trắng;

- 01 túi nylon màu hồng;

- 01 bật lửa màu vàng loại Zippo;

- 01 dao xếp màu đen, kích thước lưỡi dao 10,5cm x 2,5cm, mũi nhọn;

- 01 dây dù màu xanh đã phai màu, hai đầu dây được thắt thành hai vòng có cùng kích thước 46cm, chiều dài đoạn dây còn lại giữa hai vòng là 80cm, dây rộng 1,2cm;

- 01 ốp lưng điện thoại trong suốt bị gãy vỡ;

- 01 hộp sữa, chưa sử dụng;

- 01 chai nước nhãn hiệu “C2”, nắp chai đã mở;

- 01 chai nước nhãn hiệu “AQUAT-H”, nắp chai đã mở;

- 01 gói thuốc lá chưa sử dụng;

- Nhiều mẫu đầu lọc thuốc lá;

- 01 mũ bảo hiểm màu hồng;

- 01 túi kéo màu xanh;

- 01 chai thuốc trừ sâu nhãn hiệu “MONKEY 100ML”;

- 01 dây dù màu xanh, dài 188cm, rộng 1,5cm;

- 01 áo khoát 2 mặt, một mặt màu xanh in chữ WINNER trên ngực và lưng áo; một mặt màu đen in chữ WINNER trên ngực và lưng áo;

Đây là các vật chứng liên quan đến vụ án, không còn giá trị sử dụng nên Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử sơ thẩm tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhận định trên, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình an ninh trật tự tại địa phương, phù hợp với việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Quan điểm người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa ngày đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, tuy nhiên người bào chữa đề nghị xét xử tù có thời hạn đối với bị cáo về tội giết người là chưa phù hợp, bởi lẽ tình hình tội phạm hiện nay trên địa bàn tỉnh Trà Vinh về tội giết người ngày một gia tăng, để đấu tranh phòng ngừa tội phạm, phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương cũng như trong vụ án này Hội đồng xét xử cũng đã phân tích về tính nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo, do đó Hội đồng xét xử không thể xét xử bị cáo tù có thời hạn như quan điểm đề nghị của hai vị Luật sư.

[9] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm a khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Giết người” và “Cướp tài sản”.

Căn cứ: điểm n, e khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn T tù chung thân về tội “Giết người”.

Căn cứ: khoản 1 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 (năm) năm tù về tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Lê Văn T phải chấp hành là tù chung thân, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/9/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 13, khoản 1 Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị L và ông Mai Hoàng Đ tiền ma táng phí 50.500.000 đồng, tiền tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng, tổng cộng 199.500.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 03 chỉ, 01 tấm lắc tay vàng 18K trọng lượng 05 chỉ, 01 nhẫn vàng 24K, loại nhẫn trơn trọng lượng 0,5 chỉ được quy ra tiền tổng cộng là 40.000.000 đồng. Tổng cộng buộc bị cáo bồi thường số tiền 239.500.000 (*hai trăm ba mươi chín năm trăm nghìn đồng*).

Giao Cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh tiếp tục quản lý số tiền 1.000.000 đồng do anh Lê Văn O đã nộp theo biên lai số 0002285 ngày 13/02/2023 để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

* Giao cục thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh quản lý vật chứng sau đây để đảm bảo thi hành án.

- 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Honda, loại Dream, biển số 60K4-8332;

- 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen bạc, biển số 38H1-225.92;

- 01 điện thoại di động, phím bấm, màu đen;

* Trả cho bị cáo Lê Văn T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 334187280, mang tên Lê Văn T;

* Tịch thu tiêu hủy

- 01 bật lửa màu đỏ, hiệu Viva;

- 01 túi nylon màu trắng trong suốt;

- 01 chai nhựa màu trắng, trong suốt, có một ít dịch bên trong, thân chai có dán nhãn màu xanh “AQUAT-H”, nắp chai mở;

- 01 túi nhựa màu đen, có quai;

- 01 chai thủy tinh màu vàng nâu, thân chai có dán nhãn “THUỐC TRỪ SÂU PERAN 50EC”;

- 03 túi nhựa nhãn hiệu “THUỐC DIỆT CHUỘT RATK 2,5% DP” đã bị xé mở;

- 01 quần lót màu đen;

- 03 túi nylon màu trắng;

- 01 túi nylon màu hồng;

- 01 bật lửa màu vàng loại Zippo;

- 01 dao xếp màu đen, kích thước lưỡi dao 10,5cm x 2,5cm, mũi nhọn;

- 01 dây dù màu xanh đã phai màu, hai đầu dây được thắt thành hai vòng có cùng kích thước 46cm, chiều dài đoạn dây còn lại giữa hai vòng là 80cm, dây rộng 1,2cm;

- 01 ốp lưng điện thoại trong suốt bị gãy vỡ;

- 01 hộp sữa, chưa sử dụng;

- 01 chai nước nhãn hiệu “C2”, nắp chai đã mở;

- 01 chai nước nhãn hiệu “AQUAT-H”, nắp chai đã mở;

- 01 gói thuốc lá chưa sử dụng;

- Nhiều mẫu đầu lọc thuốc lá;

- 01 mũ bảo hiểm màu hồng;

- 01 túi kéo màu xanh;

- 01 chai thuốc trừ sâu nhãn hiệu “MONKEY 100ML”;

- 01 dây dù màu xanh, dài 188cm, rộng 1,5cm;

- 01 áo khoát 2 mặt, một mặt màu xanh in chữ WINNER trên ngực và lưng áo; một mặt màu đen in chữ WINNER trên ngực và lưng áo;

* Lưu giữ cùng hồ sơ vụ án dữ liệu điện tử gồm 03 đoạn video ghi hình ảnh động tại nhà trọ H vào ngày 04/9/2022, được sao lưu lưu trữ vào bộ nhớ đĩa CD-R (kèm theo hồ sơ vụ án).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 11.975.000 (*Mười một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Luật sư;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thành